

6

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ HẢI HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Tháng 06 năm 2019

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 13

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Khu kinh tế Hải Hà (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Chu Xuân Lai	Chủ tịch hội đồng quản trị
Nguyễn Trọng Đức	Thành viên
Trần Nguyên Cường	Thành viên
Lê Đức Đào	Thành viên
Lê Văn Tồn	Thành viên

Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Nguyên	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đại Dương.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

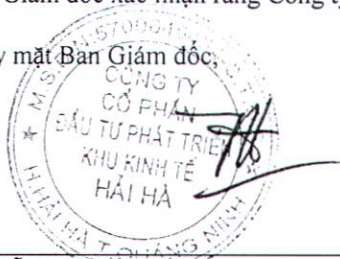
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Văn Nguyên
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Số: 9162A -19/BCKT-TC/OCA

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
Của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Khu kinh tế Hải Hà

Kính gửi: Hội đồng cổ đông, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Khu kinh tế Hải Hà

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán Đại Dương đã tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo được lập ngày 28/06/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Khu kinh tế Hải Hà (gọi tắt là "Công ty") từ trang 04 đến trang 13. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại thời điểm thực hiện kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được các hồ sơ và chứng từ kế toán liên quan đến khoản công nợ trả trước cho người bán với số tiền là 6.870.000.000 đồng, khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị là 18.156.967.503 đồng.

Tại ngày 31/12/2018, chúng tôi chưa nhận được các Biên bản đối chiếu, xác nhận số dư đối với khoản công nợ phải thu dài hạn khác của Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân với số tiền là 80.650.000.000 đồng. Đồng thời khoản công nợ này hiện không còn khả năng thu hồi công nợ, tuy nhiên Công ty chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi với khoản công nợ nêu trên.

Tại thời điểm thực hiện kiểm toán, chúng tôi chưa được cung cấp các hợp đồng vay ngắn hạn với các cá nhân, xác nhận số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 với số tiền là 12.394.652.860 đồng. Theo đó chúng tôi chưa có đủ căn cứ xác định tính hiện hữu đối với khoản nợ vay ngắn hạn nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” nêu trên, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày;
- Phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Khoản công nợ phải thu dài hạn khác với số tiền là 80.650.000.000 đồng là số tiền cho Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân vay theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/CPHH-CL ngày tháng năm 2008. Tuy nhiên Hợp đồng tín dụng cho vay vốn do Tổng Giám đốc Công ty ký, chưa được thông qua Hội đồng cổ đông và chưa có ý kiến của Hội đồng quản trị.



Nguyễn Phúc Hưng

Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1793-2018-129-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI DƯƠNG

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG PHAN XUÂN
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày:

24-07-2019

Nguyễn Ngọc Hiền

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2936-2016-129-1

Số chứng thực

Quyển số

SC185

420

07



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trịnh Vũ Diễm Hằng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÁU SỐ B 01 - DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.891.443.404	8.891.443.404
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.569.043	7.569.043
1. Tiền	111		7.569.043	7.569.043
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.046.644.024	7.046.644.024
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.870.000.000	6.870.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		176.644.024	176.644.024
III. Hàng tồn kho	140	V.2	10.867.312	10.867.312
1. Hàng tồn kho	141		10.867.312	10.867.312
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.826.363.025	1.826.363.025
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.996.743	46.996.743
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		1.779.366.282	1.779.366.282
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		98.817.967.503	98.493.967.503
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		80.661.000.000	80.661.000.000
1. Phải thu nội bộ dài hạn	214		11.000.000	11.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.3	80.650.000.000	80.650.000.000
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		49.545.455	49.545.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(49.545.455)	(49.545.455)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.156.967.503	17.832.967.503
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.4	18.156.967.503	17.832.967.503
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		107.709.410.907	107.385.410.907

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU SỐ B 01 - DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		25.985.715.694	25.661.715.694
I. Nợ ngắn hạn	310		22.031.958.447	21.707.958.447
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		568.691.132	568.691.132
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		53.738.639	53.738.639
4. Phải trả người lao động	314		9.014.875.816	8.690.875.816
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.6	12.394.652.860	12.394.652.860
II. Nợ dài hạn	330		3.953.757.247	3.953.757.247
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.5	3.953.757.247	3.953.757.247
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81.723.695.213	81.723.695.213
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.7	81.723.695.213	81.723.695.213
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		81.435.400.000	81.435.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		81.435.400.000	81.435.400.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		1.190.900.275	1.190.900.275
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(902.605.062)	(902.605.062)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(902.605.062)	(902.605.062)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		107.709.410.907	107.385.410.907


Quảng Ninh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu


Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 Nguyễn Ngọc Dung


 Nguyễn Ngọc Phụng




 TÔNG GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Văn Nguyễn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B 02 - DN
 Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		-	-
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		324.000.000	2.219.827.331
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		(324.000.000)	(2.219.827.331)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(324.000.000)	(2.219.827.331)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(324.000.000)	(2.219.827.331)


Quảng Ninh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 Nguyễn Ngọc Mỹ


 Nguyễn Ngọc Mỹ


 TỔNG GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Văn Nguyễn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND
MẪU SỐ B 03 – DN
Năm 2017


CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	-	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	-	-
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	-	-
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	-	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	-	(689.855.122)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	-	(689.855.122)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	-	(689.855.122)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.569.043	697.424.165
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	7.569.043	7.569.043
(70 = 50+60+61)			

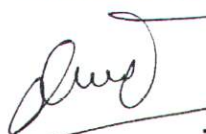
Quảng Ninh, ngày 28 tháng 06 năm 2019


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Ngọc Huệ


Nguyễn Ngọc Huệ


TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Nguyễn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Khu kinh tế Hải Hà (Sau đây được viết tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700646454, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007.

Vốn điều lệ của Công ty là: 4.800.000.000.000 VND (Bốn nghìn, tám trăm tỷ đồng).

Trụ sở: Phố Phan Đình Phùng, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;....

II. Cơ sở lập báo cáo tài chính và kỳ kế toán

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính..

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5
Phần mềm quản lý	3

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tài chính

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.569.043	7.569.043
Cộng	7.569.043	7.569.043

2. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	10.867.312	-	10.867.312	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	10.867.312	-	10.867.312	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dài hạn	80.650.000.000	-	80.650.000.000	-
- Phải thu dài hạn khác:	80.650.000.000	-	80.650.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên	80.650.000.000	-	80.650.000.000	-
Công nghiệp tàu thủy Cái Lân				
Cộng	80.650.000.000	-	80.650.000.000	-

Phải thu dài hạn khác là số tiền Công ty cho Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân vay theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/CPHH-CL ngày tháng năm 2008 với số tiền cho vay theo hợp đồng là 81.650.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 06 tháng, hợp đồng không quy định lãi suất cho vay.

Số dư khoản cho vay nêu trên chưa được đối chiếu, xác nhận với Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp tàu thủy Cái Lân

Thời điểm hiện tại, khoản cho vay này đã quá thời hạn thanh toán, Công ty không có khả năng thu hồi đối với khoản cho vay này.

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	18.156.967.503	17.832.967.503
Cộng	18.156.967.503	17.832.967.503

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghiệp – Cảng biển Hải Hà tại huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh do Công ty làm chủ đầu tư.

Tại thời điểm thực hiện kiểm toán, toàn bộ số chi phí nêu trên không có hồ sơ, chứng từ kế toán và hóa đơn tập hợp cho khoản chi phí này.

5. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dài hạn		
Bảo hiểm xã hội, BHYT	3.261.959.977	3.261.959.977
Các khoản phải trả, phải nộp khác	691.797.270	691.797.270
Cộng	3.953.757.247	3.953.757.247

Khoản nợ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế của Công ty đã phát sinh từ các năm trước, Công ty chưa cung cấp đối chiếu số tiền nợ với cơ quan Bảo hiểm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

6. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị Số có khả năng trả		Tăng		Giá trị Số có khả năng trả	
	VND	nợ VND	VND	Giảm VND	VND	nợ VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	12.394.652.860	12.394.652.860	-	-	12.394.652.860	12.394.652.860
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i>	12.394.652.860	12.394.652.860	-	-	12.394.652.860	12.394.652.860
Cộng	12.394.652.860	12.394.652.860	-	-	12.394.652.860	12.394.652.860

Số dư khoản vay ngắn hạn của các cá nhân phát sinh từ các năm trước, Công ty chưa cung cấp được các hợp đồng vay vốn với từng cá nhân. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư khoản vay chưa được đối chiếu, xác nhận với các cá nhân cho vay vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	81.435.400.000	1.190.900.275	(902.605.062)	81.723.695.213
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi / (lỗ) trong năm	-	-	(324.000.000)	(324.000.000)
Tăng (Giảm) khác	-	-	324.000.000	324.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2018	81.435.400.000	1.190.900.275	(902.605.062)	81.723.695.213

Chi tiết vốn góp của các cổ đông

Cổ đông	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ	Vốn góp đến 31/12/2018
		VND	Tỷ lệ VND
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV)	1%	48.000.000.000	1,00% 47.894.200.000
Tập đoàn CN Tàu thủy Việt Nam (Vinashin)	52%	2.496.000.000.000	0,00% -
Tổng Công ty Sông Đà	7%	336.000.000.000	0,70% 33.541.200.000
Công ty CP Tập đoàn Thái Dương	0%	-	0,00% -
Cổ phần chào bán ra bên ngoài	40%	1.920.000.000.000	0,00% -
Cộng	100%	4.800.000.000.000	2% 81.435.400.000

Số vốn thực tế đã góp của cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) theo giá trị sổ sách ghi nhận tại Công ty là 47.894.200.000 đồng, tương đương với 299.338 cổ phần (làm tròn xuống theo mệnh giá cổ phần là 160.000 đồng/cổ phần), chiếm tỷ lệ 58,8125% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ.

Số vốn thực tế đã góp của cổ đông Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) theo giá trị sổ sách ghi nhận tại TKV là 47.874.600.000 đồng.

Số vốn góp của cổ đông là Tổng Công ty Sông Đà với giá trị vốn góp theo sổ sách là 33.541.200.000 đồng chưa được đối chiếu, xác nhận.

Thời điểm hiện tại các cổ đông của Công ty chưa góp đủ số vốn điều lệ theo đăng ký.

8. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty.

9. Số liệu so sánh


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.


Quảng Ninh, ngày 28 tháng 06 năm 2019

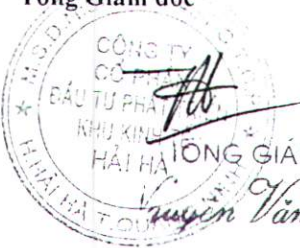
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Ngọc Diệp


Nguyễn Ngọc Diệp
13


TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Nguyễn